

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST

Ngày 27/5/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Sửu

2. Bà Giáp Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Vân Lý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/5/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thế Q, sinh năm 1988; nơi thường trú: Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang (xin vắng mặt)

- Bị đơn: Chị Tạ Thị L, sinh năm 1986; nơi thường trú: Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Hiện đang chấp hành án tại: Đ, phân trại số A, trại giam H1, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Địa chỉ: Trại giam H1, xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa anh Nguyễn Thế Q trình bày:

Anh Q và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện được tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 01/9/2009 tại UBND xã N. Đến năm 2014, chị L bị bắt về tội phạm ma túy, phải đi chấp hành án. Vợ chồng ly thân từ 2014 đến nay không ai quan tâm hỏi thăm nhau nữa. Nay anh xác định vợ chồng đã ly thân nhau lâu, chị L phải chịu án tù chung thân nên vợ chồng anh không thể đoàn tụ được, anh xác định không còn

tình cảm với chị L, do đó anh yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

+ Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 24/9/2010, hiện khỏe mạnh, phát triển bình thường, đang sống với anh Q. Ly hôn anh xin được nuôi con chung vì chị L đi tù chung thân không thể nuôi dưỡng con được, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, công nợ, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Anh không yêu cầu giải quyết.

- *Tại bản tự khai bị đơn chị Tạ Thị L trình bày:*

Chị và anh Q được tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 01/9/2009 tại UBND xã N. Sau khi cưới vợ chồng chung sống thời gian đầu có hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 6/2014 chị phạm tội tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy và bị kết án với mức hình phạt tù chung thân. Năm 2011 anh Q có làm đơn ly hôn nhưng chị không đồng ý nên anh Q đã rút đơn, từ năm 2016 anh Q không đến thăm chị. Nay anh Q xin ly hôn chị không gây khó khăn gì cho anh Q nhưng chị mong muốn anh Q đến thăm chị để nói chuyện về việc này thì chị mới đồng ý ly hôn với anh Q, còn nếu không thì chị không đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 24/9/2010 hiện khỏe mạnh, phát triển bình thường, đang sống với anh Q, nếu phải ly hôn chị đồng ý để anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chị đang chấp hành án không có thu nhập, không thể cấp dưỡng nuôi con với anh Q được.

+ Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, công nợ, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thế Q được ly hôn chị Tạ Thị L.

- Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Thế Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 24/9/2010. Sau khi ly hôn, chị L có quyền,

nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị L thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

- Về án phí: Buộc anh Nguyễn Thế Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị Tạ Thị L, sinh năm 1986; nơi thường trú: Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Hiện đang chấp hành án tại: Đ, phân trại số A, trại giam H1, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Địa chỉ: Trại giam H1, xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh Q, chị L đều đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự này là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Anh Q có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với chị L nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Q, chị L kết hôn trên cơ sở có tình hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N ngày 01/9/2009. Do vậy, hôn nhân giữa anh Q, chị L là hôn nhân hợp pháp. Anh Q xác định không còn tình cảm với chị L. Chị L chỉ đồng ý ly hôn khi anh Q đến thăm nếu không chị không đồng ý. Do chị L bị kết án tù chung thân, đang đi chấp hành án không thể thực hiện đúng vợ chồng, không thể tiếp tục sống chung. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh Q, chị L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của anh Q xử cho anh Q được ly hôn chị L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh Q, chị L có 01 con chung Nguyễn Thị H, sinh ngày 24/9/2010, hiện khỏe mạnh, phát triển bình thường, đang sống với anh Q. Ly hôn anh Q xin được trực tiếp nuôi con chung và chị L cũng đồng ý để anh Q nuôi con. Do đó, HĐXX giao cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 24/9/2010. Về cấp dưỡng nuôi con: không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp và công nợ: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc anh Nguyễn Thế Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 238, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thế Q được ly hôn chị Tạ Thị L.
2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Thế Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 24/9/2010.

Sau khi ly hôn, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị L thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Thế Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003577 ngày 10 tháng 02 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS Tân Yên;
- UBND xã Ngọc Vân;
- Các đương sự;
- Lưu hs vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên